

LÊ DUY KỲ (1766-1793) ĐÁNG THƯƠNG HAY ĐÁNG TRÁCH? (Tiếp theo)

Nguyễn Duy Chính*

LTS. Tháng 12 năm 1924, tạp chí *Nam Phong* khởi đăng một biên khảo bằng Hán văn dài 5 kỳ nhan đề *Tang thương lệ sử* do Đinh Lệnh Uy biên soạn. Đến năm 1945, Phan Trần Chúc lại biên soạn một tác phẩm khác bằng chữ quốc ngữ nhan đề *Bánh xe khứ quốc*. Tuy chỉ dựa vào tài liệu trong nước nhưng cả hai công trình này đã biên soạn khá đầy đủ về cuộc đời và thân phận lưu vong của vua Lê Chiêu Thống. Ngót 70 năm trôi qua, tác giả Nguyễn Duy Chính lại viết về nhân vật chịu nhiều tai tiếng này trong một biên khảo mới: *Lê Duy Kỳ (1766-1793) đáng thương hay đáng trách?* Ngoài phần mở đầu và kết luận, biên khảo này gồm 6 phần: 1) Đàng Ngoài cuối thế kỷ XVIII; 2) Tây Sơn chiếm miền Bắc, vua Lê xuất bôn; 3) Nhà Thanh cứu viện; 4) Trở lại Thăng Long; 5) Bang giao Thanh-Việt hậu chiến; 6) Nhân cách và tài năng. Dựa vào nhiều nguồn sử liệu khác nhau, biên khảo của tác giả Nguyễn Duy Chính cung cấp cho người đọc những thông tin đa chiều, khắc họa rõ nét cuộc đời và thân phận long đong của một ông vua bù nhìn trong tay các phe phái quyền lực, cuối cùng đã bị nhà Thanh lợi dụng để đem quân xâm lược nước ta vào năm 1788. Xem từ tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 6(89). 2011.

PHẦN V: BANG GIAO THANH-VIỆT HẬU CHIẾN

2. Phái bộ Thành Lâm sang phong vương

Trong khi phái đoàn Nguyễn Quang Hiển lên kinh đô đưa biểu cầu phong và làm lễ nhận sắc ấn thì vua Càn Long đã chỉ thị cho Phúc Khang An cử Lê Bộ viên ngoại Thành Lâm (成林) sang Thăng Long phong vương cho Nguyễn Quang Bình. Thủ tục nhanh chóng và bất thường đó là một sự kiện không hề xảy ra trong lịch sử bang giao.

Ngày 12 tháng Chín [Càn Long thứ 54, 1789], vua Quang Trung sai Đề đốc Lê Xuân Tài (黎春材) đem 1.000 phu dịch và 100 con ngựa cùng 500 vệ sĩ lên trấn Nam Quan nghinh đón sắc dụ và ngự thi của vua nhà Thanh.

Theo tờ bẩm của Thành Lâm thì “*Dân nước đó xa gần đều đến trước công quán để xem long đình, rất nhiều người lay lục hò reo. Lại có hai viên mục tên là Đinh Phụ Tế, Cấn Danh Văn, tuổi đã ngoài 80, khi nghe tin sắc mệnh đến nơi, cũng không quản đường xa mấy trăm dặm đi tới, khấu đầu chúc mừng. Còn trấn mục Ngô Văn Sở, tức Ngô Sơ, và Ngô Thời Nhâm (Nhiệm) thì sớm tối đều đến thăm, hết sức ân cần*”.⁽¹³⁸⁾

Tuy có một số trở ngại ban đầu khiến việc cử hành đại lễ bị hoãn lại, sau cùng đêm 14 tháng Mười, Nguyễn Quang Bình đến Thăng Long, ngày hôm sau Thành Lâm tuyên chỉ phong làm An Nam quốc vương.⁽¹³⁹⁾

Việc Nguyễn Quang Bình hứa hẹn sẽ đích thân sang chúc thọ vua Càn Long cũng là một điều kiện cốt lõi để tái lập việc thông hiếu và công

* California, Hoa Kỳ.

tác đàm phán trở nên thuận lợi hơn bao giờ hết. Nhân dịp này vua Quang Trung gửi thư lên Thanh triều yêu cầu bãi bỏ những lệnh cấm đoán, để việc buôn bán qua lại giữa hai bên được dễ dàng. Vua Càn Long bèn giáng chỉ cho các quan nhà Thanh bình thường hóa mọi sinh hoạt giữa hai nước.^(*)

3. Phái bộ Quang Trung

Ngày 29 tháng Ba năm Canh Tuất (1790), vua Quang Trung mang theo con thứ là Nguyễn Quang Thùy (阮光垂), cùng các bầy tôi là Ngô Văn Sở (吳文楚), Đặng Văn Chân (鄧文真) cả thảy 150 người⁽¹⁴⁰⁾ từ Nghệ An lên đường sang Bắc Kinh, tiếng là chúc thọ nhưng thực ra là một phái bộ quốc gia, được tiếp đãi long trọng nhất trong suốt triều đại nhà Thanh.^(**)

Ngày 11 tháng Bảy, vua Quang Trung cùng các bồi thân gặp bọn Tuyên úy ty Mộc Bình (Kim Xuyên) là Giáp Lạc Tham Nạp (甲勒參納) hơn 30 người, em của Hàng Hòa Trác (杭和卓) là Trác Lạc Tề (卓勒齊) một bọn 5 người, tất cả ba phái đoàn cùng nhập cận (vào triều kiến vua, tiếng khiêm cung đời xưa).

Riêng vua Quang Trung được vua Cao Tông hành đại lễ “*bảo kiến thỉnh an*” là tục lệ vốn dĩ của người Mông Cổ khi Đại Hãn đón các đại tướng thắng trận trở về được cải biến để thành một trọng lễ dành riêng cho khách quý trong trường hợp đặc biệt.⁽¹⁴¹⁾

Chính vua Cao Tông trong bài dụ gửi vua Quang Trung khi nhà vua đến tỉnh Hồ Bắc cũng đã nói là “*Đại hoàng đế tiết thứ ban cho rất là ưu hậu, các nước phiên ở ngoài, từ thiên cổ cho đến bây giờ, chưa từng được như thế*”.⁽¹⁴²⁾ Chuyến đi lịch sử này cũng tạo nên những xúc động tâm lý rất lớn cho Lê Duy Kỳ và những người theo ông đang ở Bắc Kinh.

4. Chính sách an tháp của nhà Thanh

4.1. An tháp tại Quảng Tây (Đầu năm Kỷ Dậu đến đầu năm Canh Tuất)

Trước đây, khi còn định sử dụng họ Lê như một lá bài chính trị, nhà Thanh cho họ ở ngay Quảng Tây cho gần gũi, tiện lợi liên lạc di chuyển. Đến khi thấy việc đó không còn cần thiết nữa, vua Cao Tông đã ra lệnh đưa mấy trăm người chạy sang Trung Hoa định cư [an tháp] ở các tỉnh khác xa hơn và cho nhập tịch “*làm dân thiên triều*”, tết tóc đuôi sam và mặc quần áo theo kiểu nhà Thanh.

Vua tôi nhà Lê được phối trí vào những kỳ binh tại địa phương - một hình thức công ăn việc làm được trả lương vì binh lính nhà Thanh không

* Xem thêm: Nguyễn Duy Chính, “Khai quan thông thị”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 1(89). 2011. BBT.

** Sử nước ta đều cho rằng vua Quang Trung sai người đóng giả mình để cầm đầu phái bộ sang Bắc Kinh, nhưng lại ghi chép không thống nhất họ tên người đóng thế, *Đại Nam liệt truyện* ghi là Phạm Công Trĩ, *Hoàng Lê nhất thống chí* ghi là Nguyễn Quang Thực... Riêng tác giả Nguyễn Duy Chính cho rằng, cầm đầu phái bộ lần này rất có thể là vua Quang Trung thật, nhưng để đề phòng bất trắc, nhà vua đã cho tung ra tin đồn giả vờ. Xem thêm: Nguyễn Duy Chính, “Bảo kiến hay bảo tất?”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 4-5(47-48). 2004 và số 3(51). 2005. BBT.

chỉ thuần túy lo việc quân sự mà là công sai, có một số đất đai để canh tác. Việc phân chia ra mỗi nơi một ít vừa dễ dàng cho địa phương giải quyết, vừa để họ không tập trung tại một nơi có thể gây khó khăn cho Thanh triều. Những người liên hệ trực tiếp đến hoàng tộc nhà Lê sẽ được đưa lên kinh đô, một hình thức ưu đãi nhưng cũng tiện việc giám sát. Số còn lại chia ra các tỉnh Giang Nam, Chiết Giang, Tứ Xuyên an táp, nếu ai chống lại sẽ bị chém đầu.⁽¹⁴³⁾

Theo tài liệu nhà Thanh, số đưa lên kinh đô là 165 người trong đó gia đình và thân quyến vua Lê là 61 người, 104 người khác là những bầy tôi thân tín được chia thành 4 nhóm. Nhóm thứ nhất gồm vua Lê và 61 người khác đi từ Quế Lâm ngày 2 tháng Hai (17/3/1790). Nhóm thứ hai là gia đình Đình Nhạ Hành 27 người lên đường ngày 6 tháng Hai (21/3/1790). Nhóm thứ ba gia đình Phan Khải Đức 24 người lên đường ngày 10 tháng Hai (25/3/1790). Nhóm thứ tư gia đình Nguyễn Đình Bái 56 người lên đường ngày 15 tháng Hai (30/3/1790).

Các gia đình khác gồm có Bế Nguyễn Cung 71 người đi Giang Nam, Hoàng Đức Đặng 68 người đi Chiết Giang, Bế Nguyễn Cửu, Đoàn Vượng 63 người đi Tứ Xuyên.⁽¹⁴⁴⁾ Những người trên đây chấp nhận lưu vong để thành người Trung Hoa. Ngoài ra còn một nhóm khác cứng đầu không chịu cắt tóc, đổi y phục là 4 người Lê Quýnh, Lý Bình Đạo, Trịnh Hiến, Lê Trị thì bị tù như đã nói ở trên.

Hậu nhân khi đọc về những người lưu vong thường ít khi cảm xúc nhưng những ai đã từng phải đứng giữa nhiều lựa chọn, việc cương quyết giữ cho mình một thái độ chuyên nhất không phải dễ dàng, nhất là đối diện với sự hành hạ, đói khổ, chết chóc.

4.2. An táp tại Yên Kinh (Từ năm Canh Tuất đến năm Quý Sửu)

Cũng giống như hàng nghìn người Việt sang định cư ở Trung Hoa khi nhà Minh diệt nhà Hồ (1400-1406), những người lưu vong cuối đời Lê không được sử sách đề cập đến ngoài một số chi tiết liên quan đến việc an táp họ.⁽¹⁴⁵⁾ Trong cuộc diu bể đến đây họ đã thành ngoài lề và những gì hậu nhân biết được phần nhiều do thơ văn và lời tường thuật sau khi xin về nước. Những sinh hoạt đó không còn liên quan gì đến vận mệnh chính trị nhưng cũng nên biết đến.

Theo một số tài liệu, gia đình Lê Duy Kỳ đến Yên Kinh vào ngày mùng 5 tháng Năm năm Canh Tuất [17/6/1790], chỉ hai tháng trước khi phái bộ Quang Trung đến tham dự lễ thượng thọ vua Cao Tông. Họ được an trí ở Chính Dương Môn, còn gọi là An Nam Doanh. Gia đình vua Lê sống trong một con đường nhỏ [Hồ Đồng] ở Quốc Tử Giám, Tây Định Môn hay Tây An Nam Doanh. Một năm trước Lê Duy Kỳ và Nguyễn Quang Bình còn ở thế lưỡng vương tranh nhất quốc, ngày nay một người là quốc khách của Thanh triều, một người chỉ là một võ quan cấp thấp, sống nghèo khổ ở một xóm nhỏ tại kinh đô.

Thoạt đầu, vua Lê và tông thân chỉ được coi như dân thường - nghĩa là bạch đinh - nhưng về sau, vua Càn Long thương tình, trước đã từng thụ

phong vương tước nên lập một Tá lãnh, cho vua Lê đứng đầu, dưới quyền giám sát và chỉ huy trực tiếp của Đô thống Kim Giản.

Ngay khi vừa đến kinh đô, vua Thanh thấy Lê Duy Kỳ nếu chỉ sống bằng bổng lộc của chức Tá lãnh có phần thiếu thốn nên đặc dụ cho thêm 200 lượng bạc để chi dụng, đồng thời nâng lên hàm tam phẩm.⁽¹⁴⁶⁾

Năm 1924, trên tạp chí *Nam phong* [khởi đầu từ số 84] Sở Cuồng [楚狂] Lê Dư có đăng một du ký [nguyên tác chữ Hán] của ông nhan đề “Vạn lý viễn chinh ký” [萬里遠征記] trong đó có một số đoạn ông truy tìm di tích của nhóm lưu vong của vua Lê ở Viên Minh Viên:

...Nhân dịp đi qua Viên Minh Viên, tôi nhớ lại việc cũ về người dắt ngựa Nguyễn Văn Quyền nên định rằng sau khi du ngoạn Di Hòa Viên xong rồi sẽ đi tìm di chỉ nơi ở cũ của vua tôi xuất đế nhà Lê ở trong và ngoài thành để tỏ mối cảm hoài.

Sau ngày đi thăm vườn xong tôi liền đi tìm các dấu vết nên hỏi một ông già rành rẽ đường sá để tìm đến ngõ Hồ Đông ở Quốc Tử Giám. Ngõ hẻm này trước đây vốn là nơi ở của vua Lê và thái hậu, người đời thường gọi là Tây An Nam Doanh. Nơi đây các phòng ốc đều kiến trúc theo lối cổ, tường xiêu mái lở, quá nửa là rêu xanh, cột mục rèm nát trông thật cũ kỹ. Quốc Tử Giám nay cũng hoang phế, chỉ có ánh tà dương lấp lánh và tiếng chim tử quy [tức chim đỗ quyên] kêu buổi chiều, tưởng như Lê đế thấy có người từ nước cũ đến nên hiện về than thở, để tỏ nỗi bất bình năm nao.

Ký giả [tức tác giả Sở Cuồng] tìm những người già cả hỏi thăm về gốc gác cựu doanh nhưng chẳng một ai biết cả. Chỉ nói rằng An Nam Doanh là nơi ở của vua nước An Nam hồi trước. Ký giả lại qua bên con hẻm nuôi dê ở Đông Trục Môn để tìm Đông An Nam Doanh là nơi các bầy tôi tòng vong ở thì cũng chẳng thấy đâu.

Than ôi! Vật đổi sao dời, phong cảnh còn đâu. Gió thảm mưa sầu, nói chẳng nên lời. Lòng tôi bồi hồi không muốn dời chân...⁽¹⁴⁷⁾

Thực ra vua Lê và tòng vong được an táp ở kinh đô chứ không phải ở Viên Minh Viên [ngoại ô tây bắc kinh thành] nên Sở Cuồng tiên sinh không tìm ra được. Sai lầm đó có lẽ vì tác giả dựa vào những chi tiết trong *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Một cách tổng quát, sau khi đã tết tóc, đổi y phục, đời sống của Lê Duy Kỳ và những người theo ông đã trở thành “người dân nội địa”, với mọi quyền lợi và nhiệm vụ bình thường, có khác chăng là họ được ban cho một số chức vụ, tuy nhỏ nhưng có lương bổng để sinh sống ngoại trừ nhóm Lê Quýnh bị giam trong ngục Bắc sở. Những người ở ngoài đi lại không bị giới hạn gì cả.

5. Ảnh hưởng của việc sứ bộ Quang Trung đi Yên Kinh

Việc vua Quang Trung đưa một phái đoàn sang Trung Hoa đã làm thay đổi hoàn toàn vai trò và đường lối ngoại giao của nước ta trong quan hệ phiên thuộc-thiên triều. Chuyến công du đó dĩ nhiên cũng tạo nên chua chát đắng cay cho những người thất thế. Phản ứng của họ nặng phần uất ức và thất vọng nên biến đổi tùy trường hợp.

5.1. Phản ứng của nhóm nhà Lê

Việc Nguyễn Quang Bình được công nhận có thể là sự xúc động tâm lý lớn nhất đối với họ, phần vì kỳ vọng rằng nhà Thanh sẽ đem binh sang đánh đã hoàn toàn tiêu tan, phần khác đời sống lưu vong tẻ nhạt trở thành một nỗi sợ triền miên, không bao giờ có cơ hội trở về cố quốc. Tin tức loan truyền về việc vua Quang Trung đích thân đưa một phái đoàn sang chúc thọ càng làm cho họ thêm hoang mang. Chính nhà Thanh muốn phô trương việc một phiên vương sang châu nên không riêng gì ở Bắc Kinh nhận nhiệm vụ tổ chức đại lễ mà ở các tỉnh cũng ăn mừng.

Khi biết chắc tin đó là thật thì phản ứng của họ càng thêm phức tạp. Việc phái bộ Quang Trung được đón tiếp rất long trọng khiến ảo tưởng của vua tôi nhà Lê cũng tan biến khi không thấy thái độ gì chứng tỏ nhà Thanh giao thiệp với Tây Sơn chỉ là bề ngoài.

Ở kinh đô, triều đình nhà Thanh ra lệnh cho Kim Giản [khi đó đang làm Tổng quản Nội Vụ Phủ] đặc biệt bảo vệ những người trong phái đoàn Quang Trung phải ở lại Bắc Kinh [vì không đủ chỗ ở nên một số đồng phái đoàn An Nam không được theo Nguyễn Quang Bình đến Nhiệt Hà], dừng để hai bên gặp nhau gây rắc rối.⁽¹⁴⁸⁾ Tuy nhiên theo ghi nhận của phái đoàn Triều Tiên có mặt ở đây trong thời gian đó thì nhóm của nhà Lê cũng đi tìm và buông lời thóa mạ những người trong phái đoàn Tây Sơn.⁽¹⁴⁹⁾

Việc nghe và thấy phái bộ Quang Trung sang Bắc Kinh đã đưa đến nhiều phản ứng khác nhau:

- Một số tông thần nhà Lê suy đoán rằng việc nhà Thanh “mời” vua Quang Trung sang Trung Hoa là kế “*điệu hổ ly sơn*” nhằm mục đích bắt giữ để trị tội ông đã dám đánh bại Tôn Sĩ Nghị. Những tin tức [đúng hơn là giả thuyết] về chuyện đi này đã đưa đến một số nghi án còn tồn tại đến tận hôm nay.

- Phản ứng tiêu cực hơn là gây sự với người trong phái đoàn Tây Sơn và tìm cách nói xấu họ. Những chi tiết đó được phái đoàn Triều Tiên ghi nhận vì phù hợp với mặc cảm bị lép vế trong đại lễ này.

- Một số người khác - nhất là những người bị đưa đi tới những nơi hẻo lánh - khi được hỏi ý kiến đã nhận cơ hội xin hồi cư về An Nam. Việc nhà Thanh công nhận tân vương là một minh chứng rằng triều đại mới đã được chính thống hóa và vì thế họ xin được về sống ở quê nhà nếu không bị quấy rầy hay làm hại.

Những phản ứng đó hầu như bình thường trong mọi hoàn cảnh tương tự, xưa cũng như nay. Và chính đây là một điểm quan trọng trong chính sách của triều đình Quang Trung - không phải chỉ đối với người đã bỏ nước ra đi rồi quay lại mà ngay cả những người còn ở trong nước nhưng không cộng tác, hoặc chống đối tiêu cực, cũng không bị bách hại.⁽¹⁵⁰⁾

Nó cũng cho chúng ta thấy tâm lý thụ động của người dân lúc đó, tuy vẫn hoài vọng nhà Lê nhưng một khi tân triều đã được Trung Hoa công nhận thì họ cũng tin rằng mệnh trời đã đổi và bằng lòng với chúa mới, ai còn sĩ khí thì không cộng tác, sống ẩn dật, chỉ một số ít là toan tính việc lấy lại nước mà thôi.

Tháng Chín năm Canh Tuất (1790), vua Càn Long nghĩ thương tình Lê Duy Kỳ sống cô độc ở kinh đô (khi ấy đã đến Bắc Kinh, nhận chức Tá lĩnh trong Hán kỳ nhà Thanh), vợ còn lưu lạc ở quê nhà nên có cho phép ông tìm trong số những đàn bà đi theo lấy một, hai người làm vợ kế nhưng ông tâu lên là những người đi theo ông cũng bị thất lạc thân nhân, trong cảnh hoạn nạn, không nỡ nào vui sướng một mình.⁽¹⁵¹⁾ Vua Cao Tông cũng ra lệnh cho Phúc Khang An liên lạc với Nguyễn Quang Bình để tìm em ruột vua Lê (Lê Duy Chỉ), vợ (Nguyễn Thị Kim) và ba người em gái sang Trung Hoa đoàn tụ với Lê Duy Kỳ nhưng không gặt hái được kết quả nào khả quan.

5.2. Chính sách hồi hương và đoàn tụ

Chúng ta không biết được những chi tiết vua Càn Long thảo luận với vua Quang Trung khi gặp nhau nhưng khi Nguyễn Quang Bình đang trên đường về nước thì các tỉnh có người An Nam an táp nhất loạt thực hiện những xét hỏi xem ai muốn về, ai muốn ở.

Chính sách “*hồi hương*” và chương trình “*đoàn tụ thân nhân*” của người lưu vong muốn sống ở Trung Hoa lại càng khiến cho những người ra đi thêm phần tuyệt vọng. Theo *Lê quý dật sử*:

...Tháng 8, vua nhà Thanh về Yên Kinh, Kim Giản vâng lệnh vua Thanh đến thăm hỏi [vua Chiêu Thống].

Cho Phan Khải Đức làm Kiêu kỵ hiệu úy, Đinh Nhạ Hành, Phạm Trần Thiện làm Lãnh thôi. Ngoài ra còn cấp cho mỗi người khẩu phần lương thực bằng ba người, mỗi tháng 3 lạng bạc. Sau Khải Đức vô lễ, bị tội với vua, sai Đinh Nhạ Hành làm Kiêu kỵ hiệu úy thay Đức.

Tháng Tám năm Canh Tuất cũng là thời điểm mà phái bộ Quang Trung lên đường trở về nước, chứng tỏ hai triều đình đã có những thỏa thuận để thực hiện một số chính sách. Tuy không có những chi tiết rõ rệt, nếu quả thật Kim Giản đến gặp vua Lê và tông vong có lẽ để xác định chính sách của nhà Thanh và thông báo cho họ nếu những ai muốn về nước thì đều có thể tham gia vào chương trình đang được xúc tiến ở khắp nơi.⁽¹⁵²⁾ Theo các văn thư của nhà Thanh, chúng ta có thể ghi nhận như sau:

- Ở Tứ Xuyên, nhóm Cao Xuân Vượng cùng xin về, ngoại trừ một người con trai nhỏ của Lê Quýnh là Lê Doãn Toàn [Thuyên] mới 12 tuổi và 6 gia nhân được đưa lên Bắc Kinh sống chung với gia đình Lê Duy Kỳ để được ở gần cha [đang bị giam].

- Ở Bắc Kinh, nhóm Nguyễn Đình Bái và thân quyến tổng cộng 81 người nhờ Kim Giản tâu lên để xin cho về nước.

- Ở Chiết Giang, nhóm Nguyễn Đình Liên 59 người xin về nước.

- Ở Tô Châu, nhóm Lương Đình Hiệu và thuộc hạ xin về nước.

- Ở An Huy, gia đình Nguyễn Hiền 4 người xin về nước.

Những tin tức đó được Thanh triều báo cho vua Quang Trung [khi đó còn đang trên đường trở về] để cho họ hưởng quy chế khoan hồng, không

truy cứu tội lỗi hay trừng trị. Việc một số đông người xin về nước đã khiến cho những người khác hoang mang đưa đến việc vua Lê cùng vài người tông vong cắt máu ăn thề sẽ một lòng không bỏ cuộc.

5.3. Nỗ lực phục quốc

- Đời sống lưu vong

Theo những tài liệu chắc chắn thì khi phái bộ Quang Trung qua Bắc Kinh trở về rồi, vua Lê và tùy tùng biết rằng việc xin nhà Thanh giúp đỡ phục quốc không còn hy vọng gì nữa nên họ đành tính một kế hoạch nhỏ hơn. *Lê quý dật sử* viết:

Tháng 10 [năm Canh Tuất, 1790], biết không thể trông cậy vào người nhà Thanh, vua Chiêu Thống cùng bề tôi đồng tâm quyết chí mưu tính kế khác, lựa chọn 10 người bề tôi: Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quý Thích và Nguyễn Đình Cẩm (người Từ Liêm), Lê Tùng (người Tây Đàm), Lê Thúc (người Hoằng Hóa) cùng uống máu ăn thề, thảo tờ biểu...⁽¹⁵³⁾

Tuy không nói rõ là tờ biểu xin điều gì nhưng theo tài liệu nhà Thanh thì họ xin với vua Càn Long can thiệp để Nguyễn Quang Bình đem một trong bốn tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa cắt cho nhà Lê để phụng thờ tông miếu.

...Mùa đông năm ngoai [tức năm Canh Tuất, 1790] bỗng bắm với Đô thống cai quản Kim Giản khẩn khoản xin trở về An Nam, lại xin cấp cho một trong bốn xứ Cao Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa để ở, ngụ xuẩn hảo huyện đến thề. Cứ theo Đô thống Kim Giản tâu lên Lê Duy Kỳ tâm thường vô năng, nghe lời bọn Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân xúi biểu nên vọng thỉnh chuyện đó. Còn bọn Lê Quang Duệ 20 người thì cũng không chịu lãnh lương cùng xin theo về đều là bọn gây chuyện nên đã xin phát vãng bốn tên đó ra Y Lê làm lính ăn lương, còn bọn Lê Quang Duệ thì đưa đi Giang Ninh an táp.⁽¹⁵⁴⁾

Nói đúng ra, việc xin một khu vực để dung thân không phải là chưa từng có trong lịch sử nước ta. Trước đây, khi con cháu nhà Mạc bị đánh bại chạy sang đầu hàng nhà Thanh, năm Khang Hy thứ 8 [Kỷ Dậu, 1669], vua Khang Hy cũng đã sai sứ sang bắt vua Lê Huyền Tông đem bốn châu thuộc Cao Bằng cho Mạc Kính Vũ (tức Mạc Nguyên Thanh theo sử nhà Thanh). *Khâm định Việt sử*, quyển XXXIII, tr. 25-6 viết:

Tháng Giêng, năm ấy [tức năm Kỷ Dậu, 1669] sứ nhà Thanh đến Thăng Long, triều đình nhà Lê dùng lý lẽ biện bác bắt bẻ, kéo dài đến hơn 10 ngày mới tuyên bố sắc văn, rồi lại bàn cho họ Mạc được giữ một châu Thạch Lâm, nhưng Lý Tiên Căn cũng cố giữ lễ, không nghe, thành ra giằng co đến hơn 40 ngày. Sau Tạc [chúa Trịnh Tạc] lấy cớ rằng “thờ nước lớn cần phải cung kính theo mệnh lệnh”, mới tâu với vua gượng gạo theo lời. Triều đình bèn bỏ đất bốn châu thuộc Cao Bằng cho Kinh Vũ...⁽¹⁵⁵⁾

Nay việc vua Chiêu Thống và tông thần xin một mảnh đất dung thân thực ra cũng không có gì trái lệ. Tuy nhiên Thanh triều khi ấy đang có

những liên hệ tốt với vua Quang Trung, không muốn làm điều gì bất lợi cho sự ổn định của An Nam nên không chấp thuận yêu cầu đó. Không những thế, những người chủ trương còn bị trừng phạt, Hoàng Đình Cầu, Bế Nguyễn Cung 49 người bị an trí tại Giang Ninh, cấp đất cho làm ruộng sinh sống, bọn Hoàng Ích Hiếu bị phát vãng sang tận Y Lê (Tân Cương),⁽¹⁵⁶⁾ bọn Phạm Như Tụng thì bị đày lên Hắc Long Giang, Nguyễn Quốc Đống bị đưa qua Cát Lâm, Lê Hân bị đày đi Phụng Thiên, Lê Quang Duệ cả bọn 20 người bị đày đi Nhiệt Hà, giao cho quan lại địa phương quản thúc để không còn có thể liên lạc với nhau.⁽¹⁵⁷⁾

Cũng theo tờ dụ ngày Giáp Tý [20] tháng Tư năm Càn Long 56 [1791], bọn Hoàng Ích Hiếu dù đã bị đi đày làm lính thú cũng chỉ được hưởng một nửa lương. Tấu thư của Kim Giản cùng với châu phê của vua Càn Long được gửi cho Nguyễn Quang Bình xem, còn việc đi tìm thân quyến của vua Lê cũng bị đình lại.

Vì việc này, bọn Lê Quýnh đang bị giam trong ngục cũng bị cô lập, không còn liên lạc được với vua Lê nữa. Vua Càn Long cũng ra lệnh cho Kim Giản quản thúc riêng một nơi [nguyên văn cấm cố] một số người [bao gồm thủ hạ của Đinh Nhạ Hành, Phan Khải Đức, Lê Quýnh] không được tiếp xúc với bên ngoài.⁽¹⁵⁸⁾ Vua Chiêu Thống cũng bị cắt hết bổng lộc, chức tước nên đời sống càng thêm cơ cực.

- Vụ án phục quốc

Nhân vật quan trọng nhất có thể gây khó khăn cho triều đình Tây Sơn là hoàng đệ Lê Duy Chỉ vẫn còn được người dân tộc thiểu số ở một số khu vực thượng du ủng hộ. Cuối năm Tân Hợi (1791), Nguyễn Quang Bình tiến hành hai chiến dịch, một mặt đích thân đem quân tiêu trừ các nhóm người Lào ở tây nam giáp với Nghệ An, một mặt sai quân lên đánh Lê Duy Chỉ, khi đó đang dựa vào các thổ tù là Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng hoạt động ở khu vực Tuyên Quang, Thái Nguyên.⁽¹⁵⁹⁾

Tuy hai chiến dịch ở hai nơi xa hàng nghìn dặm, triều đình Tây Sơn khi gửi thư báo tiếp cho vua Càn Long lại tâu rằng những người trở về đã bí mật liên lạc với Lê Duy Chỉ, nhân danh vua Chiêu Thống để kêu gọi cần vương, liên kết với Tiêm La, Vạn Tượng để toan đánh úp kinh đô Nghệ An. Chúng ta có thể ngờ rằng khi làm việc này, Nguyễn Quang Bình chỉ nhằm mượn tay nhà Thanh tiêu diệt luôn cả những người đang ở bên ngoài cho hết hậu hoạn.

Ngoài việc tâu với vua Thanh là Lê Duy Kỳ mạo chỉ bảo Lê Duy Chỉ tụ tập cất quân để đón vua Chiêu Thống về nước, Nguyễn Quang Bình lại tạ ơn vua Thanh về việc giúp đỡ để trừ Lê Duy Chỉ [ông Hoàng Ba], có lẽ muốn nhắc đến việc nhà Thanh cho mượn đường Vân Nam để bắt được Lê Duy Chỉ đem về Thăng Long giết đi.⁽¹⁶⁰⁾ Việc giả mạo chiếu chỉ vua Thanh sau này không thấy các bậc tôi nhà Lê nhắc đến nên chúng ta ngờ rằng cũng chỉ là một việc bịa đặt để vu cáo vua Chiêu Thống.

Tuy nhiên, vua Càn Long không phải vì thế mà tin ngay nên Thanh triều đã cho điều tra khá kỹ lưỡng để tìm hiểu sự việc đưa đến một số hậu

quả bất lợi khiến hảo cảm của nhà Thanh với vua Quang Trung bị suy giảm khá nhiều.

Theo lời tâu của quân cơ đại thần điều tra cáo giác của triều đình Quang Trung về việc Lê Duy Kỳ ám thông với Lê Duy Chỉ để nổi loạn thì:

Ngày mồng 2 tháng Năm năm Càn Long 57 [1792].

Cứ như tờ biểu khai rằng những quyền thuộc của Lê Duy Kỳ ở nội địa được trả về [An Nam] an tháp gồm hơn 80 người trong đó có thủ hạ của Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức được Lê Duy Kỳ bí mật dẫn dò thông tin cho Lê Duy Chỉ trước đây ở biên giới thuộc Bảo Lạc,⁽¹⁶¹⁾ dụ dỗ hào mục các xứ để khởi binh, lấy danh nghĩa đưa Lê Duy Kỳ về nước. Hai tù trưởng nước Vạn Tượng là Thủy và Hỏa cũng là đồng đảng của y, nổi lên ở Hoan Diễn làm thế ỷ giốc. Các xứ Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quy Hợp và Tiêm La cũng đồng thời nổi lên định đánh lấy kinh đô Nghệ An. Vậy nay xin thánh thượng nhủ lòng trông xuống ra lệnh cho các ty phân xử minh bạch tội trạng của bọn Lê Duy Kỳ, Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức.

Bọn thần lập tức tra xét Lê Duy Kỳ:

Làm cách nào có thể ám thông tin tức với những người được đưa về An Nam? Viết thư thế nào? Giao phó cho ai? Dẫn Lê Duy Chỉ cấu kết ra làm sao? Lôi kéo tụ tập ở đâu?

Những việc đó tra hỏi thật là gắt gao.

Lê Duy Kỳ khai rằng:

Duy Kỳ từ khi đến kinh đô, được ơn trời của Đại hoàng đế, cho gia nhập vào kỳ binh, cho chức vụ bổng lộc. Duy Kỳ vì nhâm lần nghe lời Hoàng Ích Hiếu xin được an tháp ở Cao Bằng, Lạng Sơn các nơi đó đến nỗi bị cách cả chỏm mũ và đai [tức chức tước của nhà Thanh, phân biệt theo chỏm mũ và màu đai] cùng bổng lộc, bị cấm cố không cho đi đâu, do Đô thống của chúng tôi [Lê Duy Kỳ bị nhập vào kỳ binh dưới quyền của Đô thống] là Kim đại nhân [Kim Giản] quản thúc cực kỳ nghiêm mật.

Những người được trả về An Nam đều khởi hành cách biệt, Duy Kỳ chưa từng được gặp họ bao giờ, cũng chẳng được biết việc họ được trở về An Nam thì làm thế nào mà lén lút dẫn dò họ đưa tin về.

Đến như năm trước Duy Kỳ vì một lúc hồ đồ nên nghe lời Hoàng Ích Hiếu mạo muội trình xin, tới nay hối hận không kịp thì đâu còn dám vọng tưởng gì nữa. Việc Duy Kỳ ám thông tin tức hoàn toàn không có thật, chỉ mong minh sát cho.

Bọn thần sau đó lại cho gọi bọn đang bị gông xích trong ngục là Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức chia ra từng người tra hỏi.

Đinh Nhạ Hành khai rằng:

Những người dưới quyền quản lãnh của Nhạ Hành đều là phụ nữ, trẻ con. Trong số hơn 80 người đưa trở về An Nam không có ai là thủ hạ của Nhạ Hành mà khi họ được đưa về cũng không được gặp lần nào nên không

thể dặn dò gì cả. Còn gia quyến thân thuộc của Nha Hành đều ở kinh thành, chỉ sợ phạm tội liên hệ đến người thân nên không thể có chuyện thông tin, mà cũng chẳng có bụng thông tin nữa. Chỉ mong xét rõ sự tình cho.

Phan Khải Đức khai rằng:

Trong số hơn 80 người về nước có 24 thủ hạ của Phan Khải Đức, trước đây tuy có gặp nhưng lúc đó chưa có tin gì là sẽ về An Nam. Vậy thì Khải Đức làm sao đoán trước được rằng họ sẽ trở về để mà dặn dò.

Kể từ năm ngoài bắt giam Khải Đức đến nay, Kim đại nhân cai quản rất nghiêm ngặt, không cho gặp họ bao giờ thì làm sao dặn dò thế nào được. Quả thực không có chuyện nhả nhủ gì cả.

Lê Quýnh khai rằng:

Trước đây Quýnh gõ cửa quan xin bình cứu viện thì lập tức được Phúc công gia gọi vào. Sự tình gấp rút, không kịp dặn dò một người nào. Về sau khi giải lên kinh đô, Quýnh vì không chịu cắt tóc, đổi y phục nên bị giam tại đề lao hạng nặng ở bộ Hình. Nơi đây giám sát, quản thúc gắt gao, đến như Lê Duy Kỳ cũng chưa từng được gặp lần nào. Những người An Nam đến kinh cũng chưa gặp một ai cả. Họ ở kinh thành hay họ về An Nam Quýnh đều không hề biết gì hết thành ra không thể thông tin cho ai. Đó là tình thực.

Bọn thần lại đem các can phạm này hỏi qua hỏi lại nhưng đều khăng khăng một lời như vậy không thay đổi. Tra năm trước nhóm Nguyễn Đình Bái hơn 80 người thì Đô thống Kim Giản vừa nhận được dụ chỉ lập tức áp tống lên đường ngay, sự việc trong khoảnh khắc, lời khai của bọn Lê Duy Kỳ nói rằng không biết tin và không hề gặp nhau có thể tin được nên không thể xin gia tăng tội lên.

Nay theo biểu văn của quốc vương Nguyễn Quang Bình nói rằng có chứng cứ bọn thủ hạ của Đình Nha Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức được Lê Duy Kỳ lén lút dặn dò thông tin với Lê Duy Chỉ để cấu kết hẹn ước khởi binh [Châu phê: Người này có thực]. Vì thế không thể theo lời khai một bên của Lê Duy Kỳ để mà bỏ qua không tính đến. Vậy xin hoàng thượng hạ sắc cho quốc vương Nguyễn Quang Bình tra xét rõ ràng xem số hơn 80 người đưa trở về nước thì người đưa thư thuộc nhóm nào, lá thư ấy hiện nay ở đâu, người đưa thư tên là gì cần phải tìm ra cho xác thực.

Sau đó quốc vương sẽ đem lá thư và người đưa thư đó sai quan đưa đến trấn Nam Quan giao cho Tuần phủ Quảng Tây Trần Dụng Phu cử người xích lại áp giải lên kinh. Khi đó bọn thần sẽ đưa các phạm nhân ra đối chất tận mặt, bọn Lê Duy Kỳ sẽ không còn nói quanh co được nữa.

Nếu như quả thật có lén lút dặn dò người về thông tin, bằng có rõ ràng thì bọn thần sẽ lập tức xin định nghị lại bọn Lê Duy Kỳ, tội danh xin bệ hạ giáng chỉ biện lý cho xứng đáng với hiến điển để làm gương cho mọi người.

Bọn thần đem duyên do thẩm vấn kính cẩn cung triệp tâu lên, sai đúng thế nào xin đợi hoàng thượng ra lệnh xuống cho bọn thần theo đó mà làm, còn tuần phủ Quảng Tây chuyển cho quốc vương khâm tuân biện lý.⁽¹⁶²⁾

5.4. Vua Lê qua đời

Kể từ sau vụ án “ám thông tin tức”, sự tuyệt vọng cũng đưa đến những hành động làm liều - đa phần vì uất ức hơn là chống đối. Một hôm vua Chiêu Thống đến phủ đệ của Kim Giản để giải bày bị quân gác cửa lôi kéo nên người dắt ngựa cho ông là Nguyễn Văn Quyên⁽¹⁶³⁾ lên tiếng chửi bới, bị chúng xúm vào đánh trọng thương, về ốm chết. Vua Thanh ban cho hai chữ Mã Đồng [người hầu ngựa] và hai hàng chữ “*Lâm nạn bất cầu, tuần tiết cô trung*” [臨難不苟, 殉節孤忠] nghĩa là khi gặp nạn không cầu an, cô trung nên tuần tiết. Khi di hài Nguyễn Văn Quyên đưa về nước, Nguyễn Huy Túc có làm một bài ca ngợi tên là “Mã đồng hân quân lụy”, đặt tên cho Quyên là “Trung Tráng công” và một bài thơ để phúng điệu.⁽¹⁶⁴⁾

Vua Lê càng buồn rầu vì tình thế nhất là cũng vào khoảng thời gian đó, ngày 20 tháng Năm năm Nhâm Tý (1792), con vua Lê là Lê Duy Thuyên bị bệnh đậu qua đời.

Đến tháng Chín năm Quý Sửu (1793), vua Lê bị bệnh nặng, các bầy tôi ở các tỉnh biết tin đều viết thư thăm hỏi. Gia đồng của Phạm Như Tùng là Lê Huy Vượng ở cạnh vua hầu hạ thuốc thang, vua cho đổi tên là Duy Khang, nhận làm con nuôi để sau này cúng tế và hầu thái hậu.

Tháng Mười năm ấy, bệnh vua Lê nặng thêm nên gọi các bầy tôi lại di mệnh rằng:

Gặp khi vận nhà suy kém, không thể liều chết để giữ xã tắc, phải chạy sang đất người để mưu đồ khôi phục. Không ngờ lại bị người lừa dối, để đến nỗi như thế này, không còn biết làm sao được. Ngày sau các người trở về nước nhà được, nhất thiết phải mang năm xương tàn của ta về chôn ở nước nhà để làm cho chí của ta được tỏ.⁽¹⁶⁵⁾

Vua Chiêu Thống mất ngày 16 tháng Mười năm Quý Sửu (1793) thọ 27 tuổi (1766-1793), được chôn tại phía đông Bắc Kinh, phía bắc Tân Trang.

Bảy năm sau, Gia Khánh thứ 5 [1800],⁽¹⁶⁶⁾ Thanh triều mới phóng thích bọn Lê Quýnh, cho an táp ở xưởng Lam Điện [藍靛] bên ngoài Hỏa Khí Doanh. Họ được cấp lương thực, dầu tóc, y phục được tự do [không bị bắt buộc phải theo tục nhà Thanh] và được đi lại như những người khác mặc dù vẫn bị giám sát. Theo bài “Cảm tác” của Lê Quýnh thì cứ bốn ngày ông lại đi thăm mộ vua Lê một lần, lần nào cũng có binh mã của Hỏa Khí Doanh đi theo.

6. Tình hình trong nước

Giữa năm Nhâm Tý (1792), sau khi thắng trận ở Nam Lào, [tuy chưa hoàn toàn thành công] vua Quang Trung rút quân về Nghệ An. Việc ông triệt binh khá đột ngột khiến chúng ta có thể liên kết việc quân Tây Sơn bị nạn dịch trong khi hành quân [như Kennon Breazeale ghi nhận]. Chính bản thân ông cũng bị bệnh - có thể thuộc loại thương hàn ngã nước là căn bệnh tối nguy hiểm ở khu vực rừng núi Tây Trường Sơn - đưa đến cái chết của ông vào mùa thu năm đó [Nhâm Tý, 1792].

Vì việc rút quân không tiện lợi, nhiều mừng châu vẫn tiếp tục đưa người sang liên lạc để phối hợp hành quân, có lẽ vẫn nghĩ rằng chưa động binh vì thời khắc không thuận lợi. Cuối năm đó, sau khi vua Quang Trung qua đời, vua Cảnh Thịnh nổi ngôi, triều đình Tây Sơn tiếp tục gửi một vài sứ bộ sang để điều tra tình hình nhưng có lẽ chỉ nhằm đánh lạc hướng sự dò thám của đối thủ hơn là thực sự còn muốn đi nốt chiến dịch này.

Việc Nguyễn Quang Bình bị bệnh cũng có thể được triều đình Tây Sơn giữ kín một thời gian như một vài giả thuyết của một số nhà nghiên cứu gần đây.⁽¹⁶⁷⁾ Sau khi Nguyễn Quang Bình mất, dư đảng nhà Lê lại nhân cơ hội nổi lên. Sử triều Nguyễn chép:

...Trước là ở Bắc Hà nghe tin giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ chết, nơi nơi đều nổi dậy, cùng suy tôn Lê Duy Vạn (con Lê Hiển Tông) lên làm minh chủ. Duy Vạn bèn sai thuộc hạ là bọn Cai cơ Chấn bảy người đưa thư hẹn ta cử binh để trong ngoài ứng nhau. Chấn mượn đường thượng đạo đi sang Xiêm, người Xiêm đưa sang ta, giữa đường bị giặc biển Chà Và bắt đem bán ở Hạ Châu (Singapore).⁽¹⁶⁸⁾

Theo tình hình mà xét, những người từ Trung Hoa về nước mang theo tin vua Chiêu Thống và một số bầy tôi đang ở Bắc Kinh đưa đến một số phỏng đoán khiến nhóm hoài Lê toan tính hành động ở nhiều nơi nhưng chỉ mượn danh nghĩa Lê Duy Kỳ chứ chưa hẳn hai bên đã có những liên lạc cụ thể. Nhóm Nguyễn Huy Túc và Hoàng phi Nguyễn Thị Kim cũng tính đường sang Trung Hoa tìm vua Lê nhưng không thực hiện được.

Tuy nhiên, ảnh hưởng quan trọng nhất có lẽ về tinh thần hơn là vật chất. Tin vua Lê còn sống đưa đến những tin tưởng lạc quan, những hy vọng về một triều đình ở bên ngoài. Niềm tin hảo huyền cũng có thể chính là đầu mối những chuyện được dựng lên về sự trá ngụy của Nguyễn Huệ, của Nguyễn Quang Toản và những mâu thuẫn [tưởng tượng] giữa hai triều đình Thanh-Việt. Đến khi việc cầu viện nhà Thanh đã nguội lạnh, sĩ phu Bắc Hà lại trông ngóng chúa Nguyễn từ trong Nam ra. Không có thực lực thường dễ đi đến việc mong đợi một cơ duyên ở bên ngoài nên thời đó nhiều người đã chạy trốn sự thật bằng những buổi cầu tiên [đồng điệp] hay sấm vĩ huyền hoặc.

Trong suốt thời kỳ Nguyễn Ánh và nhà Tây Sơn còn đang tranh chấp, các di thần nhà Lê vẫn tin tưởng rằng một khi chúa Nguyễn đánh bại triều đình Cảnh Thịnh, khu vực miền Bắc sẽ được giao trả cho con cháu nhà Lê. Cuối năm Tân Dậu (1801), Lê Huy Dao còn tự đặt ra một bài hịch nhan đề “*Dụ Bắc Thành trung nghĩa hào kiệt*”, thác danh chúa Nguyễn kêu gọi những nhóm phù Lê miền Bắc nổi lên chống lại nhà Tây Sơn.⁽¹⁶⁹⁾ Chỉ đến khi vua Gia Long lên ngôi và cho người sang Tàu cầu phong, những mong đợi của họ mới hoàn toàn nguội lạnh.

6.1. Sau khi nhà Tây Sơn bị diệt

- Chính sách của tân triều

Khi chúa Nguyễn Ánh kéo quân ra Bắc, các phần tử nhà Lê cũ khắp nơi hưởng ứng. Ngày mồng 1 tháng Hai năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn

Quang Toàn sai Nguyễn Đăng Sở sang nhà Thanh cầu viện. Sứ thần Tây Sơn đi đến Thông Nguyên thì vua Thanh nhận được tấu văn của Tri phủ Thái Bình:

“Nguyễn Quang Toàn nước Nam đã gây cuộc binh đao với quốc trưởng Nông Nại, thành Thăng Long sắp sửa thất thủ đến nơi”.

Vua Gia Khánh bèn ra lệnh cho sứ Tây Sơn trở lại Quảng Tây, về Nam Quan dừng lên Bắc Kinh nữa. Nguyễn Đăng Sở ngậm ngùi quay về. Trong tình thế nguy cấp đó, hào kiệt các nơi nổi lên. Ngày 25 tháng Hai, Trương Chí và đồng bọn đốt hơn một nghìn nóc nhà, đập phá dinh Tư mã Dũng. Trương Chí bị bắt và bị giết, gia sản bị tịch thu.

Ngày mồng 7 tháng Ba, Nguyễn Trọng Tổng dấy binh đánh Pháo Sơn bị thua. Tháng Năm năm Nhâm Tuất, chúa Nguyễn lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu Gia Long rồi đem quân đánh Nghệ An, Nguyễn Trọng Tổng tới xin nhận chịu quyền tiết chế của triều đình.

Tháng Sáu, vua Gia Long tiến đánh Thanh Hoa, con cháu nhà Lê là Lê Duy Đạt nổi binh hưởng ứng, được giao cho giữ Trấn Ninh.

Tháng Chín năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long nguyên niên, vua Thế Tổ nhà Nguyễn (Nguyễn Ánh) cho tìm dòng dõi nhà Lê. Phiên thần Thái Nguyên Ma Thế Cố tâu là Lê Duy Hoán [con trai của Duy Chỉ, cháu gọi vua Chiêu Thống bằng bác ruột] còn ẩn nấp ở đây. Vua Gia Long phong cho Lê Duy Hoán làm Diên Tự công, thế tập tước vị và 10.000 mẫu tư điền để thờ cúng lăng miếu.⁽¹⁷⁰⁾

- Xin đưa hài cốt về quê quán

Sang đời Gia Khánh, nhất là từ khi Thái thượng hoàng Cao Tông qua đời, vấn đề nước ta không còn được Thanh triều quan tâm như trước. Ác cảm với nhà Tây Sơn khiến cho Thanh triều tỏ thái độ lạnh nhạt, trong nhiều trường hợp còn vu hãm cho triều đình An Nam những việc không có thật, đổ tội cho Nguyễn Quang Toàn dung chứa giặc bể mà thực ra là do quan lại nhà Thanh bất tài.

Những người theo vua Lê sang Trung Hoa tuy không còn bị quản thúc nhưng việc nước non cũng tạm lắng xuống. Theo *Quốc sử di biên* thì:

...Nguyên trước kia, vua tôi nhà Lê cư ngụ ở bên nhà Thanh [từ năm Tân Hợi, 1791] lênh đênh lưu lạc, chỉ còn sống sót được vài chục người. Phần nhiều những người theo hầu hạ nhà vua ngày trước đã lấy vợ người Tàu và sanh con. Các ông Doãn-Hữu [tức Lê Quýnh] bị cầm chân ở đất Tàu quá lâu ngày, chỉ còn một cái mào rách mang theo đã hơn 10 năm.

Năm Canh-thân (1800), vua Gia-khánh nhà Thanh được sách lập lên nối ngôi.⁽¹⁷¹⁾ Các ông Doãn Hữu may được vua Thanh cho tại ngoại, mới nghe nói tang lễ vua Lê đã thành phục...⁽¹⁷²⁾

Khi nghe tin nhà Tây Sơn bị diệt vong, nhóm Lê Quýnh tìm cách xin đem hài cốt vua Chiêu Thống, thái hậu và nguyên tử về nước nhưng Thanh đình không trả lời vì chưa có sự thỏa hiệp với nước ta.

Đến khi sứ thần nhà Nguyễn sang cầu phong, trong phái bộ có con của Lê Quýnh là Doãn Trác [允倬]. Theo tài liệu của nhà Thanh, Lê Quýnh lấy cớ là đi thăm mộ vua Lê có lẽ đi Trác Châu [涿州] để hỏi tin con, nhờ phái bộ xin với vua Gia Long để đưa di hài vua Lê về an táng. Vua Gia Long bằng lòng nên nhà Thanh cũng phóng thích tất cả những tông vong nhà Lê, ai muốn trở về đều được chấp thuận.

6.2. Hồi quy cố quốc

Năm Giáp Tý (1804), quan tài Lê Duy Kỳ từ Trung Hoa được đem về nước. Sau 15 năm lưu lạc, một số lớn cựu thần tông vong nhà Lê đã xin về khi phái đoàn Quang Trung sang Trung Hoa dự lễ khánh thọ của vua Cao Tông, những người khác đã ổn định, số người còn sống theo linh cữu vua Lê về nước chỉ chừng vài mươi người.

Ngày 24 tháng Ba [năm Giáp Tý] bọn Lê Quýnh khâm liệm di cốt của vua Lê, quốc mẫu [thái hậu], nguyên tử và những người đi theo đã qua đời, tất cả 18 cổ quan tài. Tất cả những người về nước lại được chia thành ba nhóm do quan nhà Thanh hộ tống về Nam Quan.⁽¹⁷³⁾

Tháng Bảy năm đó, Lê Quýnh và mọi người về đến Nam Quan rồi vào trấn Lạng Sơn. Tông thần đặt hương án vua Lê ở ngoài thành, Hiệp trấn Lạng Sơn Nguyễn Duy Thản cùng các cựu thần đến khóc trước linh cữu. Vì chưa được phép của triều đình, tất cả 18 cổ quan tài phải để tại đây để Lê Quýnh về Thăng Long trình báo với Tổng trấn Nguyễn Văn Thành và Tán lý Đặng Trần Thường.

Giữa tháng Tám, Lê Quýnh lên đường vào kinh đô Huế để xin được phép đem di hài vua Lê về táng ở làng Bồ Vệ. Cuối tháng Chín, khi việc phép tắc đã xong, Nguyễn Văn Thành cho lính và đình phu lên Lạng Sơn đưa quan tài về Thăng Long, đặt tại nhà Diên Tự công Lê Duy Hoán. Cựu thần nhà Lê mặc đồ tang đến viếng vua Lê, còn thi hài những người tông vong thì được thân nhân nhận về an táng.

Có lẽ những di thần nhà Lê cũng nghĩ rằng vua Gia Long là hậu duệ của chúa Nguyễn ắt vẫn còn tình nghĩa với cựu triều và sẽ cho hưởng một số ân huệ nhưng mọi đòi hỏi đều không thành công và các ưu đãi chỉ đến thế. Những ai mưu tính xa xôi hơn hay không yên phận về sau cũng đều bị trừng trị. Chính vì thế ngay từ đầu triều đình nhà Nguyễn cũng đã dứt khoát không để việc đi xa hơn. *Đại Nam thực lục* chép lời của triều thần bàn về việc tang lễ vua Lê:

- Hoàng thượng ra ơn với triều trước, kẻ còn người mất đều được nhờ, rất là nhân vậy. Nay quan tài vua Lê đã đưa về, nhờ lượng thánh đoái thương, nhưng nên cấp cho tiền gạo để tỏ hậu đạo, chứ nếu lấy lễ khách mà đãi, sai quan đến viếng thì về nghĩa e chưa được ổn. Lại nếu họ Lê có xin đặt thủy, bọn thần thấy đã không đúng nghĩa thì không nói được, vậy không nên cho hiệu là phải.

Vua Gia Long cho 700 quan tiền, 500 phương gạo và dùng binh thuyền hộ tống về táng ở Thanh Hoa.⁽¹⁷⁴⁾

6.3. Lê Mạt Tiết Nghĩa Từ

Đến đời Tự Đức, theo lời tâu của đình thần, vua Dục Tông cho sưu tầm lại tên tuổi, công nghiệp và tính cách của những người tiết nghĩa cuối đời Lê để xây đền thờ gọi là *Lê Mạt Tiết Nghĩa Từ* (黎末節義祠) ở Hà Nội.

Theo lời tâu của Bộ Công và Bộ Lễ thì ngôi đền này thờ chính giữa là Lê Quynh, bên trái 11 người, bên phải 11 người thêm hai điện nhỏ đông tây mỗi bên 5 người, tất cả 33 người. Trong số này, một số theo vua Lê chạy sang Trung Hoa, một số khác đã chết khi chống với nhà Tây Sơn. Những người đã theo vua Lê nhưng sau lại xin về thì không được đề cập đến.

Việc lập từ này thực ra không nhằm mục đích tôn vinh triều Lê mà muốn nêu gương trung nghĩa cho người sau, khuyến khích dân chúng cũng trung thành với triều Nguyễn như vậy.

(Còn tiếp)

N D C

CHÚ THÍCH

- (138) Nguyên văn: 該國遠近夷民, 至公廡前, 遙望龍亭, 歡呼叩頭者凡數起. 又有員目丁輔宰, 良名 聞二人, 年俱八十餘歲, 欣聞敕命臨境, 於數百里外跋涉前來, 恭詣龍亭前, 叩頭稱慶. 其鎮目吳文楚即吳初及吳時壬等早晚謁見, 甚為浹洽 (Cai quốc viễn cận di dân, chí công giải tiền, dao vọng long đình, hoan hô khấu đầu giả phàm số khởi. Hựu hữu viên mục Đình Phụ Tế, Cấn Danh Văn nhị nhân, niên câu bát thập dư tuế, hân văn sách mệnh lâm cảnh, ư số bách lý ngoại bát thiệp tiền lai, cung nghệ long đình tiền, khấu đầu xung khánh. Kỳ trấn mục Ngô Văn Sở tức Ngô Sơ cập Ngô Thời Nhâm (Nhiệm) đẳng tảo văn yết kiến, thậm vi tiếp hợp).
- (139) Chi tiết này ghi trong tấu văn của Tôn Vĩnh Thanh, đề ngày 24 tháng Mười năm Càn Long thứ 54, hiện còn tàng trữ trong Cung trung đáng, hòm số 2727, quyển 234, số hiệu 58601 (Trang Cát Phát, Sdd, tr. 395).
- (140) Theo sử ta thì có Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ Văn Công... và cả một đoàn nhạc công.
- (141) Hiện nay một số lãnh tụ gặp nhau cũng ôm hôn tương tự như kiểu này, có lẽ cũng bắt nguồn từ dân du mục miền Tây Bá Lợi Á.
- (142) Quang Trung Nguyễn Huệ. *Đại Việt quốc thư* (Đình Thụ Hoàng Văn Hòe dịch), 1973, tr. 301.
- (143) Dụ của vua Càn Long ngày 9 tháng Giêng năm Canh Tuất, *Khâm định An Nam kỷ lược*, q. XXVI, tr. 14-6.
- (144) Lời tâu của Tôn Vĩnh Thanh ngày 15 tháng Hai năm Canh Tuất [1790], *Khâm định An Nam kỷ lược*, q. XXVII, tr. 9-10.
- (145) Vua Chiêu Thống và bầy tôi còn được nhiều tài liệu nhắc đến vì triều đại Tây Sơn rất ngắn và sau này một số những người qua Trung Hoa đã trở về. Đời Tự Đức, triều Nguyễn đã lập một đền thờ tên là *Lê Mạt Tiết Nghĩa Từ* ở Hà Nội nên cũng có những điều tra về sinh hoạt của họ khi còn ở Bắc Kinh tương đối đầy đủ.
- (146) Theo cấp bậc, chức Tá lãnh là tứ phẩm nhưng vì khi đó Phan Khải Đức được ban chức Đô ty cũng tứ phẩm nên Lê Duy Kỳ được thăng lên một bậc cho ra phận trên dưới.
- (147) Sở Cuồng, “Vạn lý viễn chinh ký”, *Nam phong tạp chí*, năm thứ 9, số 91, 1925 [phần Hán văn], tr. 13-4 (Nguyễn Duy Chính dịch).
- (148) *Khâm định An Nam kỷ lược*, q. XXIX, tr. 16.
- (149) Xem thêm: Nguyễn Duy Chính, “Cuộc gặp gỡ giữa phái đoàn Triều Tiên và Đại Việt ở triều đình nhà Thanh năm Canh Tuất (1790)”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 6(83). 2010.

- (150) Việc này được minh chứng trong lời khai của Lê Duy Trị khi chạy sang Trung Hoa năm Giáp Dần (1794). Xem thêm bản dịch *An Nam đáng* (NDC).
- (151) Nguyên văn:
 ...前因黎維祁失國內投, 念其祖宗世守, 藩封職貢百有餘年不忍致令廢絕. 是以降旨加恩, 令其來京編入漢軍世襲佐領. 今黎維祁到京供職後頗屬謹慎守法, 因念伊妻未曾隨同進關, 令於隨從女子中挑擇一二人以為側室而黎維祁以跟隨屬下人等妻孥俱已散失, 伊不忍一人獨有家室...
 ...Tiền nhân Lê Duy Kỳ thất quốc nội đầu, niệm kỳ tổ tông thế thủ, phiên phong chúc cống bách hữu dư niên bất nhẫn chí lệnh phế tuyệt. Thị dĩ giáng chỉ gia ân, lệnh kỳ lai kinh biên nhập Hán quân thế tập Tá lãnh. Kim Lê Duy Kỳ đáo kinh cung chúc hậu phủ thuộc cẩn thận thủ pháp, nhân niệm y thê vị tằng tùy đồng tiến quan, lệnh y tùy đồng nữ tử trung khiêu trạch nhất nhị nhân dĩ vi trác thất. Nhi Lê Duy Kỳ dĩ ngân tùy thuộc hạ nhân đẳng thê nô [noa] câu dĩ tán thất, y bất nhẫn nhất nhân độc hữu gia thất...
 Thượng dụ ngày Quý Mùi, tháng Chín năm Càn Long 55. *Thanh thực lục*, quyển 1.362, tr. 263.
- (152) Tuy Lê Duy Kỳ không thể tham gia vào chương trình hồi hương nhưng khi được hỏi ông cũng tâu rằng ngoài vợ ra hiện còn một người em trai là Lê Duy Chỉ và một cô em gái, ba người lưu lạc không biết trong hai năm qua sống chết thế nào. Vua Cao Tông đã yêu cầu Nguyễn Quang Bình tìm gia quyến nhà Lê đưa sang Trung Hoa đoàn tụ nhưng không có kết quả cụ thể, chỉ đưa sang được một người em gái vua Lê [có lẽ cùng cha khác mẹ].
- (153) *Lê quý dật sử* (1987), tr. 99-100.
- (154) *Cao Tông thực lục*, quyển 1377, thượng dụ ngày Giáp Tý [20], tháng Tư năm Càn Long 56 [1791], Vương Tiên Khiêm, [Càn Long triều] *Đông Hoa tục lục*, quyển 45.
- (155) *Khâm định Việt sử*, tập II, bản dịch Viện Sử học (1998), tr. 321.
- (156) Theo tài liệu nhà Thanh, Hoàng Ích Hiểu khi đến Tân Cương có vợ sinh một trai, sau có thêm một gái. Người con trai ông ta sau này lấy vợ có một gái.
- (157) Theo báo cáo của Bộ Binh và Minh-Thanh sử liệu.
- (158) *Ngô Thì Nhậm tác phẩm I*, tr. 449.
- (159) Thực ra, chiến dịch Vạn Tượng còn có những lý do khác, liên quan đến việc một số tiểu quốc muốn thoát ra khỏi sự kiểm chế của Xiêm La và sự bành trướng thế lực của Tây Sơn để kiểm soát khu vực trung-nam Lào ngăn chặn việc chúa Nguyễn cầu kết với Xiêm La tạo thành một gọng kềm ở phía tây vương quốc An Nam. Cũng nên thêm rằng tuy vua Quang Trung đích thân cầm quân nhưng một trận dịch về đường ruột - như các tài liệu bên ngoài ghi nhận - đã khiến quân Tây Sơn phải rút về và kế hoạch không thể tiến hành đến rốt ráo. Chính bản thân Nguyễn Huệ cũng bị nhiễm bệnh và việc ông thân chinh trong chiến dịch này với cái chết hết sức đột ngột vào mùa thu năm đó có thể có liên quan. Xem thêm “Chiến dịch sau cùng của vua Quang Trung” [dựa vào tài liệu trong The Lao-Tayson Alliance, 1792-1793 của Kennon Breazeale], (bản dịch Nguyễn Duy Chính).
- (160) Trong tờ biểu Nguyễn Huệ gửi vua Càn Long có câu:
 臣仰見聖天子明見萬里, 不是於形迹間見之, 寔是察他心術, 聖主為臣志善者.
 Thần ngưỡng kiến thánh thiên tử minh kiến vạn lý, bất thị ư hình tích gian kiến chi, thực thị sát tha tâm thuật, thánh chúa vi thần chí thiện giả.
 (Thần ngẩng lên thấy thánh thiên tử nhìn xa vạn dặm, không chỉ thấy hình tích bên ngoài mà còn biết rõ cả tâm thuật của y nữa nên thánh chúa đã vì thần mà làm cho chí của thần được thành tựu). *Ngô Thì Nhậm tác phẩm I* (2001), tr. 826.
- (161) Bảo Lạc dưới thời Lê là một châu thuộc đạo Tuyên Quang, nay thuộc Cao Bằng. Xem thêm Đỗ Tuấn, “Tuyên Quang, tên gọi một vùng đất”, tạp chí *Xưa & Nay*, số 339 (9/2009), tr. 30-1.
- (162) *Văn hiến tùng biên “An Nam đáng”* (Đài Bắc: Quốc Phong, 1964), tr. 412-3 (Nguyễn Duy Chính dịch).
- (163) Người làng Bồ Vệ, tỉnh Thanh Hoa.

- (164) Phan Thúc Trục, *Quốc sử di biên* (bản dịch Hồng Liên Lê Xuân Giáo) tập Thượng (1973), tr. 162-9.
- (165) *Lê quý dật sử* (1987), tr. 110-1.
- (166) Sau khi vua Càn Long là Thái thượng hoàng qua đời.
- (167) Xem Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử* (1952), Phụ lục “Ngày giờ Quang Trung mất”, tr. 156-160 (trích từ báo *Dư luận*, Hà Nội, 1946, số 28, tr. 5).
- (168) *Đại Nam thực lục*, Đế nhất kỷ, quyển VI, tr. 292.
- (169) Hoàng Xuân Hãn, “Phe chống đảng Tây Sơn ở Bắc với tập Lữ trung ngâm”, tập san *Sử địa* số 21 (Sài Gòn, 1/3/1971), tr. 15.
- (170) *Đại Nam thực lục*, Đế nhất kỷ, quyển XVIII, tr. 524-5.
- (171) Thực ra vua Gia Khánh lên ngôi từ năm Bính Thìn (1796) nhưng vì còn Thái thượng hoàng nên không tự quyết được nhiều điều, đến năm Kỷ Mùi (1799), vua cha Càn Long mất, mới thực sự thu tóm quyền hành.
- (172) *Quốc sử di biên* (1973), tr. 138.
- (173) Nhóm thứ nhất gồm vợ con, gia đình các vong thân, nhóm thứ hai gồm những người phụ trách việc đưa di hài về nước, nhóm thứ ba bao gồm những người còn lại. *Quốc sử di biên* (1973), tr. 141.
- (174) *Đại Nam thực lục*, Đế nhất kỷ, quyển XXV, bản dịch Viện Sử học, tập 1 (2002), tr. 615.

TÓM TẮT

Lê Chiêu Thống là vị vua cuối cùng của triều Lê, tuy chỉ tại vị trong thời gian rất ngắn và phải sớm lìa đời khi tuổi thanh xuân nhưng trong con mắt của người đời sau ông là một vị vua hèn nhát, mang nhiều tội lỗi đáng nguyên rủa, trong đó có tội danh ô nhục nhất: bán nước. Căn cứ vào nhiều nguồn sử liệu khác nhau, biên khảo này trình bày khá chi tiết về cuộc đời và thân phận long đong của vua Chiêu Thống. Việc tìm lại chân diện mục của vua Lê trở nên khó khăn hơn khi ông là nạn nhân của ba thế lực nổi bật thời đó: Thanh triều là thế lực lúc đầu ủng hộ, về sau lại ruồng bỏ ông; Tây Sơn là kẻ thù trong những giai đoạn khó khăn nhất cố tình đuổi tận giết tuyệt; và triều Nguyễn là đao phủ sau cùng chặt mất những mối liên hệ với tiền triều mà họ lo ngại sẽ ảnh hưởng đến triều đại mới.

Vua Lê Chiêu Thống nếu chỉ xét trong một giai đoạn ngắn như sử sách thường nhấn mạnh - từ lúc vong thân nhà Lê chạy sang Trung Hoa nương nhờ cho đến khi quân Thanh kéo sang xâm lược nước ta để rồi bị đánh cho tan tác khiến cho vua tôi lại lếch thếch chạy sang Trung Hoa nương nhờ đến cuối đời - là một mẫu người nếu không đáng trách thì cũng chẳng có gì đáng khen. Thế nhưng khi một số chi tiết khả tín khác được bạch hóa, chúng ta mới thấy rằng sự thật chưa hẳn đã hoàn toàn như những gì chúng ta từng biết.

ABSTRACT

LÊ DUY KỲ (1766-1793) - BEING PITIED OR CONDEMNED?

Lê Chiêu Thống was the last king of the Lê Dynasty. Though he only reigned over Vietnam in a short time and died young, he was considered a coward king with a lot of cursed offences, especially the most ignoble crime of betraying his country.

Based on various historical sources of data, the research presents some details about the unlucky life and fate of King Lê Chiêu Thống. It is hard to see through him when he was the victim of three prominent forces at that time: The Qing Dynasty, who supported him at first, then abandoned him; the Tây Sơn, his enemy in the most difficult period, who pursued him closely; and the Nguyễn Dynasty, the last executioner, who wanted to cut all relations with the former dynasty.

If considering King Lê Chiêu Thống during his short time of fleeing to China, then the defeat of Qing invaders that he sought reinforcements, and his last escape to China until his death, he wasn't praiseworthy at all. However, when some credible information is publicised, we will see that the reality is not completely true as what we've known.